

BIỂU MẪU TÍNH CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (BIỂU MẪU SỐ 04/ĐGTĐ-SCM)
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Biểu mẫu số 04/ĐGTĐ-SCM

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 26. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác

I. CHI PHÍ TUÂN THỦ TTHC DỰ KIẾN BAN HÀNH

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	Điền biểu mẫu	1.0	45,451	500		1	1,000	45,951	45,951,000	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	4.5	45,451			1	500	204,530	102,264,750	
		Bưu chính	1.0	45,451			1	200	45,451	9,090,200	
		Internet	1.0	45,451			1	300	45,451	13,635,300	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										
3.1	Phí										
3.2	Lệ phí					100,000	1	1,000	100,000	100,000,000	

4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										
5	Công việc khác (nếu có)										
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	4.5	45,451			1	500	204,530	102,264,750	
		Bưu chính	1.0	45,451			1	400	45,451	18,180,400	
		Internet	1.0	45,451			1	100	45,451	4,545,100	
		Khác									
	TỔNG				500	100,000			736,814	395,931,500	

BIỂU MẪU TÍNH CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (BIỂU MẪU SỐ 04/ĐGTĐ-SCM)
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Biểu mẫu số 04/ĐGTĐ-SCM

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 27: Đăng ký thay đổi tên tổ hợp tác

I. CHI PHÍ TUÂN THỦ TTHC DỰ KIẾN BAN HÀNH

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	Điền biểu mẫu	1.0	45,451	500		1	1,000	45,951	45,951,000	
1.2	Bản sao biên bản họp thành viên tổ hợp tác về việc thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	Soạn thảo, in ấn, công chứng	2.0	45,451	6,000		1	1,000	96,902	96,902,000	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	4.5	45,451			1	500	204,530	102,264,750	
		Bưu chính	1.0	45,451			1	200	45,451	9,090,200	
		Internet	1.0	45,451			1	300	45,451	13,635,300	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										
3.1	Phí										
3.2	Lệ phí					100,000	1	1,000	100,000	100,000,000	

4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										
5	Công việc khác (nếu có)										
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	4.5	45,451			1	500	204,530	102,264,750	
		Bưu chính	1.0	45,451			1	400	45,451	18,180,400	
		Internet	1.0	45,451			1	100	45,451	4,545,100	
		Khác									
	TỔNG				6,500	100,000			833,716	492,833,500	

BIỂU MẪU TÍNH CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (BIỂU MẪU SỐ 04/ĐGTĐ-SCM)
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Biểu mẫu số 04/ĐGTĐ-SCM

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 28: Đăng ký thay đổi địa chỉ tổ hợp tác

I. CHI PHÍ TUÂN THỦ TTHC DỰ KIẾN BAN HÀNH

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	Điền biểu mẫu	1.0	45,451	500		1	1,000	45,951	45,951,000	
1.2	Bản sao biên bản họp thành viên tổ hợp tác về việc thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	Soạn thảo, in ấn, công chứng	2.0	45,451	6,000		1	1,000	96,902	96,902,000	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	4.5	45,451			1	500	204,530	102,264,750	
		Bưu chính	1.0	45,451			1	200	45,451	9,090,200	
		Internet	1.0	45,451			1	300	45,451	13,635,300	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										
3.1	Phí										
3.2	Lệ phí					100,000	1	1,000	100,000	100,000,000	

4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										
5	Công việc khác (nếu có)										
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	4.5	45,451			1	500	204,530	102,264,750	
		Bưu chính	1.0	45,451			1	400	45,451	18,180,400	
		Internet	1.0	45,451			1	100	45,451	4,545,100	
		Khác									
	TỔNG				6,500	100,000			833,716	492,833,500	

BIỂU MẪU TÍNH CHI PHÍ TUẦN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (BIỂU MẪU SỐ 04/ĐGTĐ-SCM)
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Biểu mẫu số 04/ĐGTĐ-SCM

CHI PHÍ TUẦN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 29: Đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh của tổ hợp tác

I. CHI PHÍ TUẦN THỦ TTHC DỰ KIẾN BAN HÀNH

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuần thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	Điền biểu mẫu	1.0	45,451	500		1	1,000	45,951	45,951,000	
1.2	Bản sao biên bản họp thành viên tổ hợp tác về việc thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	Soạn thảo, in ấn, công chứng	2.0	45,451	6,000		1	1,000	96,902	96,902,000	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	4.5	45,451			1	500	204,530	102,264,750	
		Bưu chính	1.0	45,451			1	200	45,451	9,090,200	
		Internet	1.0	45,451			1	300	45,451	13,635,300	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										
3.1	Phí										
3.2	Lệ phí					100,000	1	1,000	100,000	100,000,000	

4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										
5	Công việc khác (nếu có)										
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	4.5	45,451			1	500	204,530	102,264,750	
		Bưu chính	1.0	45,451			1	400	45,451	18,180,400	
		Internet	1.0	45,451			1	100	45,451	4,545,100	
		Khác									
	TỔNG				6,500	100,000			833,716	492,833,500	

BIỂU MẪU TÍNH CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (BIỂU MẪU SỐ 04/ĐGTD-SCM)
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Biểu mẫu số 04/ĐGTD-SCM

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 30: Đăng ký thay đổi tổng giá trị phần vốn góp

I. CHI PHÍ TUÂN THỦ TTHC DỰ KIẾN BAN HÀNH

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	Điền biểu mẫu	1.0	45,451	500		1	1,000	45,951	45,951,000	
1.2	Bản sao biên bản họp thành viên tổ hợp tác về việc thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	Soạn thảo, in ấn, công chứng	2.0	45,451	6,000		1	1,000	96,902	96,902,000	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	4.5	45,451			1	500	204,530	102,264,750	
		Bưu chính	1.0	45,451			1	200	45,451	9,090,200	
		Internet	1.0	45,451			1	300	45,451	13,635,300	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										
3.1	Phí										
3.2	Lệ phí					100,000	1	1,000	100,000	100,000,000	

4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										
5	Công việc khác (nếu có)										
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	4.5	45,451			1	500	204,530	102,264,750	
		Bưu chính	1.0	45,451			1	400	45,451	18,180,400	
		Internet	1.0	45,451			1	100	45,451	4,545,100	
		Khác									
	TỔNG				6,500	100,000			833,716	492,833,500	

BIỂU MẪU TÍNH CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (BIỂU MẪU SỐ 04/ĐGTĐ-SCM)
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Biểu mẫu số 04/ĐGTĐ-SCM

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 31: Đăng ký thay đổi người đại diện tổ hợp tác

I. CHI PHÍ TUÂN THỦ TTHC DỰ KIẾN BAN HÀNH

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	Điền biểu mẫu	1.0	45,451	500		1	1,000	45,951	45,951,000	
1.2	Bản sao hoặc bản chính biên bản họp thành viên tổ hợp tác về việc thay đổi người đại diện	Soạn thảo, in ấn, công chứng	2.0	45,451	6,000		1	1,000	96,902	96,902,000	
1.3	Bản sao hoặc bản chính văn bản ủy quyền của thành viên tổ hợp tác cho một cá nhân hoặc pháp nhân làm người đại diện mới của tổ hợp tác	Soạn thảo, in ấn, công chứng	2.0	45,451	5,500		1	1,000	96,402	96,402,000	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	4.5	45,451			1	500	204,530	102,264,750	
		Bưu chính	1.0	45,451			1	200	45,451	9,090,200	
		Internet	1.0	45,451			1	300	45,451	13,635,300	1

3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										
3.1	Phí										
3.2	Lệ phí					100,000	1	1,000	100,000	100,000,000	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										
5	Công việc khác (nếu có)										
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	4.5	45,451			1	500	204,530	102,264,750	
		Bưu chính	1.0	45,451			1	400	45,451	18,180,400	
		Internet	1.0	45,451			1	100	45,451	4,545,100	
		Khác									
	TỔNG				12,000	100,000			930,118	589,235,500	

BIỂU MẪU TÍNH CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (BIỂU MẪU SỐ 04/ĐGTĐ-SCM)
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Biểu mẫu số 04/ĐGTĐ-SCM

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 32: Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký thuế của tổ hợp tác

I. CHI PHÍ TUÂN THỦ TTHC DỰ KIẾN BAN HÀNH

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	Điền biểu mẫu	1.0	45,451	500		1	1,000	45,951	45,951,000	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	4.5	45,451			1	500	204,530	102,264,750	
		Bưu chính	1.0	45,451			1	200	45,451	9,090,200	
		Internet	1.0	45,451			1	300	45,451	13,635,300	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										
3.1	Phí										
3.2	Lệ phí					100,000	1	1,000	100,000	100,000,000	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										
5	Công việc khác (nếu có)										

6	Nhận kết quả	Trực tiếp	4.5	45,451			1	500	204,530	102,264,750	
		Bưu chính	1.0	45,451			1	400	45,451	18,180,400	
		Internet	1.0	45,451			1	100	45,451	4,545,100	
		Khác									
	TỔNG				500	100,000			736,814	395,931,500	

BIỂU MẪU TÍNH CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (BIỂU MẪU SỐ 04/ĐGTD-SCM)
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Biểu mẫu số 04/ĐGTD-SCM

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 33: Đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã

I. CHI PHÍ TUÂN THỦ TTHC DỰ KIẾN BAN HÀNH

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Giấy đề nghị đăng ký thành lập	Điền biểu mẫu	4.0	45,451	2,000		1	500	183,804	91,902,000	
1.2	Điều lệ	Soạn thảo, in ấn	20.0	45,451	10,000		1	500	919,020	459,510,000	
1.3	Nghị quyết hội nghị thành lập	Soạn thảo, in ấn	5.0	45,451	2,500		1	500	229,755	114,877,500	
1.4	Danh sách thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn	Soạn thảo, in ấn	2.0	45,451	1,000		1	500	91,902	45,951,000	
1.5	Danh sách, sổ định danh cá nhân của người đại diện theo pháp luật là người Việt Nam; danh sách, bản sao giấy tờ pháp lý của người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài	Soạn thảo, in ấn	1.0	45,451	500		1	500	45,951	22,975,500	

1.6	Bản sao giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Soạn thảo, in ấn	2.0	45,451	1,000		1	500	91,902	45,951,000	
1.7	Bản sao giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tham gia thành lập bởi cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư	Soạn thảo, in ấn	2.0	45,451	1,000		1	500	91,902	45,951,000	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	4.5	45,451			1	250	204,530	51,132,375	
		Bưu chính	1.0	45,451			1	100	45,451	4,545,100	
		Internet	1.0	45,451			1	150	45,451	6,817,650	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										
3.1	Phí										
3.2	Lệ phí					100,000	1	500	100,000	50,000,000	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										
5	Công việc khác (nếu có)										
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	4.5	45,451			1	250	204,530	51,132,375	
		Bưu chính	1.0	45,451			1	200	45,451	9,090,200	
		Internet	1.0	45,451			1	50	45,451	2,272,550	
		Khác									
	TỔNG				18,000	100,000			2,345,099	1,002,108,250	

BIỂU MẪU TÍNH CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (BIỂU MẪU SỐ 04/ĐGTĐ-SCM)
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Biểu mẫu số 04/ĐGTĐ-SCM

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 34: Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại của tổ hợp tác

I. CHI PHÍ TUÂN THỦ TTHC DỰ KIẾN BAN HÀNH

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Thông báo tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trở lại	Điền biểu mẫu	1.0	45,451	500		1	1,500	45,951	68,926,500	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	4.5	45,451			1	750	204,530	153,397,125	
		Bưu chính	1.0	45,451			1	300	45,451	13,635,300	
		Internet	1.0	45,451			1	450	45,451	20,452,950	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										
3.1	Phí										
3.2	Lệ phí					100,000	1	1,500	100,000	150,000,000	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										

5	Công việc khác (nếu có)										
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	4.5	45,451			1	750	204,530	153,397,125	
		Bưu chính	1.0	45,451			1	600	45,451	27,270,600	
		Internet	1.0	45,451			1	150	45,451	6,817,650	
		Khác									
	TỔNG				500	100,000			736,814	593,897,250	

BIỂU MẪU TÍNH CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (BIỂU MẪU SỐ 04/ĐGTD-SCM)
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Biểu mẫu số 04/ĐGTD-SCM

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 35: Thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác

I. CHI PHÍ TUÂN THỦ TTHC DỰ KIẾN BAN HÀNH

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Thông báo về việc chấm dứt hoạt động	Điền biểu mẫu	1.0	45,451	500		1	2,000	45,951	91,902,000	
1.2	Biên bản họp thành viên tổ hợp tác về việc thông qua chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	Soạn thảo, in ấn	2.0	45,451	1,000		1	2,000	91,902	183,804,000	
1.3	Phương án giải quyết nợ (nếu có). Phương án giải quyết nợ phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ	Soạn thảo, in ấn	2.0	45,451	1,000		1	2,000	91,902	183,804,000	

2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	4.5	45,451			1	1,000	204,530	204,529,500	
		Bưu chính	1.0	45,451			1	400	45,451	18,180,400	
		Internet	1.0	45,451			1	600	45,451	27,270,600	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										
3.1	Phí										
3.2	Lệ phí					100,000	1	2,000	100,000	200,000,000	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										
5	Công việc khác (nếu có)										
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	4.5	45,451			1	1,000	204,530	204,529,500	
		Bưu chính	4.0	45,451			1	800	181,804	145,443,200	
		Internet	1.0	45,451			1	200	45,451	9,090,200	
		Khác									
	TỔNG				2,500	100,000			1,056,971	1,268,553,400	

BIỂU MẪU TÍNH CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (BIỂU MẪU SỐ 04/ĐGTD-SCM)
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Biểu mẫu số 04/ĐGTD-SCM

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 36: Đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác

I. CHI PHÍ TUÂN THỦ TTHC DỰ KIẾN BAN HÀNH

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	Điền biểu mẫu	1.0	45,451	500		1	2,000	45,951	91,902,000	
1.2	Bản sao biên bản họp thành viên tổ hợp tác về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	Soạn thảo, in ấn, công chứng	2.0	45,451	6,000		1	2,000	96,902	193,804,000	
1.3	Báo cáo kết quả chuyển nhượng, thanh lý tài sản của Hội đồng thanh lý tài sản trong trường hợp tổ hợp tác có quỹ chung không chia, tài sản chung không chia hình thành từ nguồn hỗ trợ của Nhà nước	Soạn thảo, in ấn	3.0	45,451	1,000		1	2,000	137,353	274,706,000	

1.4	Thông báo của Cơ quan quản lý thuế về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế của tổ hợp tác	In ấn	1.0	45,451	1,000		1	2,000	46,451	92,902,000	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	4.5	45,451			1	1,000	204,530	204,529,500	
		Bưu chính	1.0	45,451			1	400	45,451	18,180,400	
		Internet	1.0	45,451			1	600	45,451	27,270,600	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										
3.1	Phí										
3.2	Lệ phí					100,000	1	2,000	100,000	200,000,000	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										
5	Công việc khác (nếu có)										
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	4.5	45,451			1	1,000	204,530	204,529,500	
		Bưu chính	4.0	45,451			1	800	181,804	145,443,200	
		Internet	1.0	45,451			1	200	45,451	9,090,200	
		Khác									
	TỔNG				8,500	100,000			1,153,873	1,462,357,400	

BIỂU MẪU TÍNH CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (BIỂU MẪU SỐ 04/ĐGTD-SCM)
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Biểu mẫu số 04/ĐGTD-SCM

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 37. Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã

I. CHI PHÍ TUÂN THỦ TTHC DỰ KIẾN BAN HÀNH

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Giấy đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	Điền biểu mẫu	1.0	45,451	500		1	100	45,951	4,595,100	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	4.5	45,451			1	50	204,530	10,226,475	
		Bưu chính	1.0	45,451			1	20	45,451	909,020	
		Internet	1.0	45,451			1	30	45,451	1,363,530	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										
3.1	Phí										
3.2	Lệ phí					100,000	1	100	100,000	10,000,000	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										

5	Công việc khác (nếu có)										
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	4.5	45,314			1	50	203,913	10,195,650	
		Bưu chính	1.0	45,314			1	40	45,314	1,812,560	
		Internet	1.0	45,314			1	10	45,314	453,140	
		Khác									
	TỔNG				500	100,000			735,924	39,555,475	

BIỂU MẪU TÍNH CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (BIỂU MẪU SỐ 04/ĐGTĐ-SCM)
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Biểu mẫu số 04/ĐGTĐ-SCM

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 38. Đăng ký lại hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong trường hợp thay đổi cơ quan đăng ký kinh doanh

I. CHI PHÍ TUÂN THỦ TTHC DỰ KIẾN BAN HÀNH

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Giấy đề nghị đăng ký lại hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong trường hợp thay đổi cơ quan đăng ký kinh doanh	Điền biểu mẫu	1.0	45,451	500		1	100	45,951	4,595,100	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	4.5	45,451			1	50	204,530	10,226,475	
		Bưu chính	1.0	45,451			1	20	45,451	909,020	
		Internet	1.0	45,451			1	30	45,451	1,363,530	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										
3.1	Phí										
3.2	Lệ phí					100,000	1	100	100,000	10,000,000	

4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										
5	Công việc khác (nếu có)										
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	4.5	45,314			1	50	203,913	10,195,650	
		Bưu chính	1.0	45,314			1	40	45,314	1,812,560	
		Internet	1.0	45,314			1	10	45,314	453,140	
		Khác									
	TỔNG				500	100,000			735,924	39,555,475	

BIỂU MẪU TÍNH CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (BIỂU MẪU SỐ 04/ĐGTĐ-SCM)
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Biểu mẫu số 04/ĐGTĐ-SCM

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 39. Đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp tổ hợp tác thuộc đối tượng đăng ký theo quy định của Luật Hợp tác xã 2023

I. CHI PHÍ TUÂN THỦ TTHC DỰ KIẾN BAN HÀNH

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện trong 18 tháng	Số lượng đối tượng tuân thủ trong 18 tháng	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC trong 18 tháng (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Giấy đề nghị đăng ký thành lập tổ hợp tác	Điền biểu mẫu	1.0	45,451	500		1	30,000	45,951	1,378,530,000	
1.2	Hợp đồng hợp tác	Soạn thảo, in ấn	2.0	45,451	1,000		1	30,000	91,902	2,757,060,000	
1.3	Bản sao văn bản ủy quyền của thành viên tổ hợp tác cho một cá nhân hoặc pháp nhân làm người đại diện của tổ hợp tác	Soạn thảo, in ấn, công chứng	2.0	45,451	5,500		1	30,000	96,402	2,892,060,000	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	4.5	45,451			1	15,000	204,530	3,067,942,500	
		Bưu chính	1.0	45,451			1	6,000	45,451	272,706,000	
		Internet	1.0	45,451			1	9,000	45,451	409,059,000	

3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										
3.1	Phí										
3.2	Lệ phí					100,000	1	30,000	100,000	3,000,000,000	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										
5	Công việc khác (nếu có)										
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	4.5	45,451			1	15,000	204,530	3,067,942,500	
		Bưu chính	1.0	45,451			1	12,000	45,451	545,412,000	
		Internet	1.0	45,451			1	3,000	45,451	136,353,000	
		Khác									
	TỔNG				7,000	100,000			925,118	17,527,065,000	

BIỂU MẪU TÍNH CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (BIỂU MẪU SỐ 04/ĐGTD-SCM)
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Biểu mẫu số 04/ĐGTD-SCM

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 40: Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

I. CHI PHÍ DỰ KIẾN BAN HÀNH MỚI

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Giấy đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã	Điền biểu mẫu	2.0	45,451.000	1,000	0	1	10	91,902	919,020	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	4.5	45,451.000	0	0	1	5	204,530	1,022,648	
		Bưu chính	1.0	45,451.000			1	2	45,451	90,902	
		Internet	1.0	45,451.000	0	0	1	3	45,451	136,353	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										
3.1	Phí										
3.2	Lệ phí					62,000	1	10	62,000	620,000	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										
5	Công việc khác (nếu có)										
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	4.5	45,451	0	0	1	5	204,530	1,022,648	
		Bưu chính	1.0	45,451	0	0	1	4	45,451	181,804	
		Internet	1.0	45,451	0	0	1	1	45,451	45,451	
		Khác									
TỔNG					1,000	62,000			744,765	4,038,825	

BIỂU MẪU TÍNH CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (BIỂU MẪU SỐ 04/ĐGTD-SCM)
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Biểu mẫu số 04/ĐGTD-SCM

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 41. Hủy bỏ nghị quyết giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

I. CHI PHÍ TUÂN THỦ TTHC DỰ KIẾN BAN HÀNH

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Thông báo về việc hủy bỏ nghị quyết giải thể	Điền biểu mẫu	1.0	45,451	500		1	1,000	45,951	45,951,000	
1.2	Nghị quyết của Đại hội thành viên về việc hủy bỏ nghị quyết giải thể	Soạn thảo, in ấn	2.0	45,451	1,000		1	1,000	91,902	91,902,000	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	4.5	45,451			1	500	204,530	102,264,750	
		Bưu chính	1.0	45,451			1	200	45,451	9,090,200	
		Internet	1.0	45,451			1	300	45,451	13,635,300	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										
3.1	Phí										
3.2	Lệ phí					50,000	1	1,000	50,000	50,000,000	

4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										
5	Công việc khác (nếu có)										
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	4.5	45,451			1	500	204,530	102,264,750	
		Bưu chính	1.0	45,451			1	400	45,451	18,180,400	
		Internet	1.0	45,451			1	100	45,451	4,545,100	
		Khác									
	TỔNG				1,500	50,000			778,716	437,833,500	

**Biểu mẫu số 02/ĐGTD-BHM. Đánh giá tác động của thủ tục hành chính
dự kiến ban hành mới trong dự án, dự thảo văn bản**

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Biểu mẫu số 02/ĐGTD-BHM

**BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
DỰ KIẾN BAN HÀNH MỚI TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN**

Tên dự án, dự thảo văn bản: Nghị định về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 1: Đề nghị thay đổi tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN	
1. Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?	a) Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Đề nghị yêu cầu thay đổi tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp. b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Việc trùng tên hoặc sử dụng một tên gây nhầm lẫn đã được đăng ký quyền sở hữu công nghiệp có thể dẫn đến những tranh chấp pháp lý, gây thiệt hại và ảnh hưởng đến uy tín, thương hiệu, quyền lợi kinh doanh của các tổ chức. Do vậy, cần phải có quy định rõ ràng để thực hiện thống nhất trên phạm vi toàn quốc đối với việc yêu cầu thay đổi tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.
2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?	a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm: Chủ thể quyền sở hữu công nghiệp có quyền gửi văn bản đề nghị đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện để yêu cầu hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp phải thay đổi tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

	b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định: Cần thiết để cơ quan đăng ký kinh doanh có cơ sở yêu cầu hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp phải đăng ký thay đổi tên.
3. Lý do lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?	a) Lý do quy định thủ tục hành chính: Cần có thủ tục để cơ quan quản lý nhà nước thực hiện việc quản lý nhà nước đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp b) Nêu rõ điều, khoản quy định thủ tục hành chính tại dự án, dự thảo văn bản: Khoản 3 Điều 18 Dự thảo Nghị định
4. Có biện pháp nào khác có thể sử dụng mà không phải bằng quy định thủ tục hành chính không?	Có ☐ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ biện pháp:..... Trường hợp Có, nhưng vẫn lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính thì nêu rõ lý do:..... Nếu Không, nêu rõ lý do: Cần có thủ tục và thực hiện thống nhất trên toàn quốc việc yêu cầu hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp phải đăng ký thay đổi tên.
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Có được ban hành theo đúng thẩm quyền không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Theo quy định tại Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015
2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không?	- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành:

	+ Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng:..... + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo - Với văn bản của cơ quan khác: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành: + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng: + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo - Với điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành: + Nêu rõ điều, khoản, điều ước quốc tế tương ứng: + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính tương thích với điều ước quốc tế hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo
III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Tên thủ tục đã bao gồm cụm từ chỉ hành động của cá nhân (đề nghị) kết hợp với cụm từ chỉ sự vật, sự việc mà cá nhân mong muốn đạt được (phải thay đổi tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã)
2. Trình tự thực hiện	

a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Dự thảo quy định chi tiết xử lý đối với trường hợp tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Đã quy định rõ ràng và cụ thể tại khoản 3, 4 Điều 18 của Dự thảo Nghị định
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Các thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện và Cơ quan quản lý thuế
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có ☒ Không ☐ Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định: Xác định của cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp cấp. Lý do quy định: Trường hợp nghi ngờ, không có căn cứ, cần xác định - Các biện pháp có thể thay thế: Có ☐ Không ☒
	Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp ☒ Bưu chính ☒ Điện tử ☒ b) Nhận kết quả:	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có ☒ Không ☐ - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Khoản 1 Điều 30 Dự thảo Nghị định quy định về việc đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử. Theo đó, việc nộp hồ sơ có thể thực hiện trên môi trường điện tử. Điều này tạo thuận lợi tối đa cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tiết kiệm chi phí thực hiện

Trực tiếp ☒ Bưu chính ☒ Điện tử ☒	TTHC cho Cơ quan đăng ký kinh doanh.
4. Thành phần, số lượng hồ sơ: Thành phần hồ sơ đã được quy định chi tiết tại khoản 3 Điều 18 của Dự thảo Nghị định	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: Giấy đề nghị xử lý đối với trường hợp tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	- Nêu rõ lý do quy định: Để đáp ứng mục tiêu xem xét của Cơ quan đăng ký kinh doanh - Yêu cầu về hình thức: Bản chính Lý do quy định: Để đáp ứng mục tiêu xem xét của Cơ quan đăng ký kinh doanh
b) Tên thành phần hồ sơ n: Văn bản kết luận của cơ quan có thẩm quyền, Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý; bản trích lục Sổ đăng ký quốc gia về nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý được bảo hộ do cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp cấp; Giấy chứng nhận nhãn hiệu đăng ký quốc tế được bảo hộ tại Việt Nam do cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp cấp; hợp đồng sử dụng đối tượng quyền sở hữu công nghiệp trong trường hợp người yêu cầu là người được chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp đó.	- Nêu rõ lý do quy định: Là căn cứ pháp lý để Cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét, giải quyết - Yêu cầu về hình thức: Bản sao Lý do quy định: Là căn cứ pháp lý để Cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét, giải quyết
c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ:

ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	
d) Số lượng bộ hồ sơ: Nghị định không quy định rõ số lượng bộ hồ sơ	Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):
5. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	- Có ☒ Không ☐ - Nếu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ giấy tờ theo quy định Lý do quy định: nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí cho tổ chức, cá nhân.
b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có ☒ Không ☐ Lý do quy định: Dự thảo đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa Cơ quan đăng ký kinh doanh và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền
6. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện:	- Tổ chức: Trong nước ☒ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ: khoản 3 Điều 18 Dự thảo Nghị định quy định: “Chủ thể quyền sở hữu công nghiệp có quyền gửi văn bản đề nghị đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện để yêu cầu hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp phải thay đổi tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã”. Lý do quy định: Nhằm mục đích quản lý nhà nước đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã - Cá nhân: Trong nước ☒ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ: khoản 3 Điều 18 Dự thảo Nghị định quy định: “Chủ thể quyền sở hữu công nghiệp có quyền gửi văn bản đề nghị đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện để yêu cầu hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp phải thay đổi tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã”. Lý do quy định: Nhằm mục đích quản lý nhà nước đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có ☐ Không ☒

	Nêu rõ lý do: Dự thảo đã quy định đầy đủ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác minh, xử lý đối với việc xử lý tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp
b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc ☒ Vùng ☐ Địa phương ☐ - Nông thôn ☐ Đô thị ☐ Miền núi ☐ - Biên giới, hải đảo ☐ - Lý do quy định: Thống nhất phương thức quản lý nhà nước trên toàn quốc - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Dự thảo đã quy định đầy đủ các đối tượng thực hiện
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 100	
7. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ Lý do quy định: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trực tiếp tiếp nhận, xử lý hồ sơ
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện đã được quy định tại Điều 7 Dự thảo Nghị định.
8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)	
a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	- Lệ phí: Không ☒ Có ☐ - Phí: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do:..... - Chi phí khác: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do:..... - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo): + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí):

	+ Mức chi phí khác:..... + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có ☐ Không ☐ Lý do: - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do:
b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?	Có ☐ Không ☐ Nội dung quy định: Lý do quy định: Không quy định việc thu, nộp lệ phí
9. Mẫu đơn, tờ khai	
a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☒ Không ☐ Lý do: Tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức và thống nhất áp dụng trên cả nước
b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Giấy đề nghị thay đổi tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Thông tin, giấy tờ pháp lý của người đề nghị Lý do quy định: Căn cứ xem xét, giải quyết + Nội dung thông tin n: Thông tin của tổ hợp tác, hợp tác xã đề nghị thay đổi tên Lý do quy định: Kiểm tra thông tin - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☐ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định:
c) Tên mẫu đơn, tờ khai n:.....	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Lý do quy định:

	+ Nội dung thông tin n: Lý do quy định: - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☐ Không ☐ Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định:
d) Ngôn ngữ	- Tiếng Việt ☒ Song ngữ ☐ Nêu rõ loại song ngữ: Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ):
10. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có ☐ Không ☒ Lý do quy định:
a) Yêu cầu, điều kiện 1:	- Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☐ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):
b) Yêu cầu, điều kiện n:	- Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☐ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐

		+ Thực hiện công việc khác (nêu rõ):.....	
11. Kết quả thực hiện			
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	- Giấy phép ☐ - Giấy chứng nhận ☒ - Giấy đăng ký ☐ - Chứng chỉ ☐ - Thẻ ☐ - Quyết định hành chính ☒ - Văn bản xác nhận/chấp thuận ☐ - Loại khác: ☐ Đề nghị nêu rõ:	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy ☒ Bản điện tử ☒	
b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Lý do:.....		
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)	Có ☐ Không ☒ - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: - Nếu Không, nêu rõ lý do: Giấy chứng nhận hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh có hiệu lực vô thời hạn cho đến khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đăng ký thay đổi.		
d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc ☒ Địa phương ☐ Lý do: Thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có giá trị trên toàn quốc.		

IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ

Họ và tên người điền: Vũ Đức Vinh

Điện thoại cố định: 080.44963; Di động: 0973758866

E-mail: vinhvd@mpi.gov.vn

**Biểu mẫu số 02/ĐGTD-BHM. Đánh giá tác động của thủ tục hành chính
dự kiến ban hành mới trong dự án, dự thảo văn bản**

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Biểu mẫu số 02/ĐGTD-BHM

**BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
DỰ KIẾN BAN HÀNH MỚI TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN**

Tên dự án, dự thảo văn bản: Nghị định về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 02: Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (nội dung trên GCNĐKHTX khác nội dung đăng ký)

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN	
1. Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?	a) Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Cần thực hiện thống nhất trên phạm vi toàn quốc việc hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?	a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm: Trường hợp tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát hiện nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi văn bản đề nghị hiệu đính thông tin đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt trụ sở chính b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định: Cần có thủ tục để Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã

3. Lý do lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?	a) Lý do quy định thủ tục hành chính: Cần có thủ tục để cơ quan quản lý nhà nước thực hiện việc Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã b) Nêu rõ điều, khoản quy định thủ tục hành chính tại dự án, dự thảo văn bản: Điều 26 Dự thảo
4. Có biện pháp nào khác có thể sử dụng mà không phải bằng quy định thủ tục hành chính không?	Có ☐ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ biện pháp:..... Trường hợp Có, nhưng vẫn lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính thì nêu rõ lý do:..... Nếu Không, nêu rõ lý do: Cần có thủ tục và thực hiện thống nhất trên toàn quốc việc đăng ký thành lập địa điểm kinh doanh
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Có được ban hành theo đúng thẩm quyền không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Đúng thẩm quyền quy định tại Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015
2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không?	- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành: + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng:.....

	 + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo - Với văn bản của cơ quan khác: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành: + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng: + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo - Với điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành: + Nêu rõ điều, khoản, điều ước quốc tế tương ứng: + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính tương thích với điều ước quốc tế hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo
III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Tên thủ tục đã bao gồm cụm từ chỉ hành động của cá nhân (Hiệu đính, cập nhật, bổ sung) kết hợp với cụm từ chỉ sự vật, sự việc mà cá nhân mong muốn đạt được (thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp

	tác xã, liên hiệp hợp tác xã)
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nếu rõ lý do: Dự thảo quy định chi tiết việc thực hiện hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nếu rõ lý do: Dự thảo đã quy định rõ ràng và cụ thể tại Điều 26
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có ☒ Không ☐ Nếu rõ lý do: Các thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện và Cơ quan thuế
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có ☐ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định: Lý do quy định: - Các biện pháp có thể thay thế: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp ☒ Bưu chính ☒ Điện tử ☒ b) Nhận kết quả:	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có ☒ Không ☐ - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có ☒ Không ☐ Nếu rõ lý do: Điều 28 Dự thảo Nghị định quy định về việc đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử. Điều này tạo thuận lợi tối đa cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã,

Trực tiếp ☒ Bưu chính ☒ Điện tử ☒	tiết kiệm chi phí thực hiện TTHC cho Cơ quan đăng ký kinh doanh.
4. Thành phần, số lượng hồ sơ:	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: Văn bản đề nghị hiệu đính thông tin	- Nêu rõ lý do quy định: Nhằm thu thập các thông tin về tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đăng ký - Yêu cầu về hình thức: Bản chính, theo mẫu Lý do quy định: Để đáp ứng mục tiêu xem xét của Cơ quan đăng ký kinh doanh
b) Tên thành phần hồ sơ n:	- Nêu rõ lý do quy định: - Yêu cầu về hình thức: Lý do quy định:
c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ:
d) Số lượng bộ hồ sơ: 01	Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):
5. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	- Có ☒ Không ☐ - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị nếu thông tin nêu tại văn bản đề nghị là chính xác. Lý do quy định: khoản 1 Điều 26 Dự thảo đã quy định cụ thể thời hạn giải quyết thủ tục hành chính là 03

	ngày làm việc là một khoảng thời gian khá ngắn, nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí cho tổ chức, cá nhân.
b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có ☒ Không ☐ Lý do quy định: Dự thảo đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa Cơ quan đăng ký kinh doanh và Cơ quan thuế.
6. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện:	- Tổ chức: Trong nước ☒ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ: Khoản 1 Điều 2 Dự thảo Nghị định quy định đối tượng áp dụng là tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã Lý do quy định: Nhằm mục đích triển khai thực hiện việc hiệu đính, cập nhật bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã - Cá nhân: Trong nước ☒ Nước ngoài ☒ Mô tả rõ: Khoản 1 Điều 2 Dự thảo Nghị định quy định đối tượng áp dụng là tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã Lý do quy định: Nhằm mục đích triển khai thực hiện việc hiệu đính, cập nhật bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Dự thảo đã quy định đầy đủ các đối tượng phải hiệu đính, cập nhật bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc ☒ Vùng ☐ Địa phương ☐ - Nông thôn ☐ Đô thị ☐ Miền núi ☐

	- Biên giới, hải đảo ☐ - Lý do quy định: Điều 51 Luật Hợp tác xã 2023 - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Dự thảo Nghị định đã quy định đầy đủ các đối tượng phải hiệu đính, cập nhật bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm:	
7. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ Lý do quy định: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện phải trực tiếp tiếp nhận, xử lý hồ sơ
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện là cơ quan chuyên môn, có nhiệm vụ, quyền hạn trực tiếp nhận, xử lý hồ sơ, chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ
8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)	
a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	- Lệ phí: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của hội đồng nhân dân TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG - Phí: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: - Chi phí khác: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo): + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí):

	+ Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): + Mức chi phí khác: + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có ☐ Không ☐ Lý do: - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do:
b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?	Có ☒ Không ☐ Nội dung quy định: Điều 22 Dự thảo Nghị định Lý do quy định: Tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan quản lý nhà nước trong công tác thu lệ phí của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
9. Mẫu đơn, tờ khai	
a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☐ Không ☒ Lý do: Quy định tại Dự thảo Thông tư ban hành biểu mẫu về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và quy định về nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã
b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1:	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Lý do quy định: + Nội dung thông tin n: Lý do quy định: - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☐ Không ☐ Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định:

c) Tên mẫu đơn, tờ khai n:	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Lý do quy định: + Nội dung thông tin n: Lý do quy định: - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☐ Không ☐ Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định:
d) Ngôn ngữ	- Tiếng Việt ☒ Song ngữ ☐ Nêu rõ loại song ngữ: Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ):
10. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có ☐ Không ☒ Lý do quy định:
a) Yêu cầu, điều kiện 1:	- Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☐ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):
b) Yêu cầu, điều kiện n:	- Lý do quy định:

.....	- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☐ Nếu Có, đề nghị nêu rõ:..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):.....
11. Kết quả thực hiện	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	- Giấy phép ☐ - Giấy chứng nhận ☒ - Giấy đăng ký ☐ - Chứng chỉ ☐ - Thẻ ☐ - Quyết định hành chính ☐ - Văn bản xác nhận/chấp thuận ☐ - Loại khác: ☐ Đề nghị nêu rõ: Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy ☒ Bản điện tử ☒
b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Lý do:.....
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Có ☐ Không ☒ - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: - Nếu Không, nêu rõ lý do: Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã có hiệu lực vô thời hạn cho đến khi tổ hợp tác, hợp tác xã đăng ký thay đổi .
d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành	Toàn quốc ☒ Địa phương ☐ Lý do: Việc hiệu đính, cập nhật bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có giá trị trên toàn quốc

chính có hợp lý không (nếu có)?	
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền: Mai Anh Tú Điện thoại cố định: 080.44784; Di động: 0387.963.930 E-mail: anhtu93hg@mpi.gov.vn	

**Biểu mẫu số 02/ĐGTD-BHM. Đánh giá tác động của thủ tục hành chính
dự kiến ban hành mới trong dự án, dự thảo văn bản**

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Biểu mẫu số 02/ĐGTD-BHM

**BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
DỰ KIẾN BAN HÀNH MỚI TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN**

Tên dự án, dự thảo văn bản: Nghị định về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 03: Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (nội dung thông tin đăng ký trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã)

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?	a) Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Cần thực hiện thống nhất trên phạm vi toàn quốc việc hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?	a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm: Trường hợp tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát hiện nội dung thông tin đăng ký trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã bị thiếu hoặc chưa chính xác so với hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký thuế, do quá trình chuyển đổi dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi văn bản đề nghị bổ sung, hiệu đính đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt trụ sở chính b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định: Cần có thủ tục để Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng

	ký hợp tác xã
3. Lý do lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?	a) Lý do quy định thủ tục hành chính: Cần có thủ tục để cơ quan quản lý nhà nước thực hiện việc Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã b) Nêu rõ điều, khoản quy định thủ tục hành chính tại dự án, dự thảo văn bản: Điều 26 Dự thảo
4. Có biện pháp nào khác có thể sử dụng mà không phải bằng quy định thủ tục hành chính không?	Có ☐ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ biện pháp:..... Trường hợp Có, nhưng vẫn lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính thì nêu rõ lý do:..... Nếu Không, nêu rõ lý do: Cần có thủ tục và thực hiện thống nhất trên toàn quốc việc đăng ký thành lập địa điểm kinh doanh
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Có được ban hành theo đúng thẩm quyền không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Đúng thẩm quyền quy định tại Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015
2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác	- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành:

không?	+ Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng:.....
	+ Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo
	- Với văn bản của cơ quan khác: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ:
	+ Tên bộ phận tạo thành:
	+ Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng:
	+ Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo
	- Với điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ:
	+ Tên bộ phận tạo thành:
	+ Nêu rõ điều, khoản, điều ước quốc tế tương ứng:
	+ Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính tương thích với điều ước quốc tế hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo

III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Tên thủ tục hành chính

Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Tên thủ tục đã bao gồm cụm từ chỉ hành động của cá nhân (Hiệu đính, cập nhật, bổ sung)
--	---

	kết hợp với cụm từ chỉ sự vật, sự việc mà cá nhân mong muốn đạt được (thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã)
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Dự thảo quy định chi tiết việc thực hiện hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Dự thảo đã quy định rõ ràng và cụ thể tại Điều 26
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Các thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện và Cơ quan thuế
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có ☐ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định: Lý do quy định: - Các biện pháp có thể thay thế: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp ☒ Bru chính ☒ Điện tử ☒	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có ☒ Không ☐ - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có ☐ Không ☐ Nêu rõ lý do: Điều 28 Dự thảo Nghị định quy định về việc đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử. Điều này tạo thuận lợi tối đa cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã,

b) Nhận kết quả: Trực tiếp ☒ Bưu chính ☒ Điện tử ☒	tiết kiệm chi phí thực hiện TTHC cho Cơ quan đăng ký kinh doanh.
4. Thành phần, số lượng hồ sơ:	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: Văn bản đề nghị hiệu đính thông tin	- Nêu rõ lý do quy định: Nhằm thu thập các thông tin về tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đăng ký - Yêu cầu về hình thức: Bản chính, theo mẫu Lý do quy định: Để đáp ứng mục tiêu xem xét của Cơ quan đăng ký kinh doanh
b) Tên thành phần hồ sơ 2: Bản sao thông báo thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký đăng ký thuế	- Nêu rõ lý do quy định: Để Cơ quan đăng ký kinh doanh rà soát, đối chiếu thông tin đối với Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã - Yêu cầu về hình thức: Bản sao Lý do quy định: Để đáp ứng mục tiêu xem xét của Cơ quan đăng ký kinh doanh
c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ:
d) Số lượng bộ hồ sơ: 01	Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):
5. Thời hạn giải quyết	

a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	- Có ☒ Không ☐ - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận văn bản đề nghị hiệu đính. Lý do quy định: khoản 3 Điều 24 Dự thảo đã quy định cụ thể thời hạn giải quyết thủ tục hành chính là 03 ngày làm việc là một khoảng thời gian khá ngắn, nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí cho tổ chức, cá nhân.
b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có ☒ Không ☐ Lý do quy định: Dự thảo đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa Cơ quan đăng ký kinh doanh và Cơ quan thuế.
6. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện:	- Tổ chức: Trong nước ☒ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ: Khoản 1 Điều 2 Dự thảo Nghị định quy định đối tượng áp dụng là tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã Lý do quy định: Nhằm mục đích triển khai thực hiện việc hiệu đính, cập nhật bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã - Cá nhân: Trong nước ☒ Nước ngoài ☒ Mô tả rõ: Khoản 1 Điều 2 Dự thảo Nghị định quy định đối tượng áp dụng là tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã Lý do quy định: Nhằm mục đích triển khai thực hiện việc hiệu đính, cập nhật bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Dự thảo đã quy định đầy đủ các đối tượng phải hiệu đính, cập nhật bổ sung thông tin đăng

	ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc ☒ Vùng ☐ Địa phương ☐ - Nông thôn ☐ Đô thị ☐ Miền núi ☐ - Biên giới, hải đảo ☐ - Lý do quy định: Điều 51 Luật Hợp tác xã 2023 - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Dự thảo Nghị định đã quy định đầy đủ các đối tượng phải hiệu đính, cập nhật bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm:	
7. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ Lý do quy định: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện phải trực tiếp tiếp nhận, xử lý hồ sơ
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện là cơ quan chuyên môn, có nhiệm vụ, quyền hạn trực tiếp nhận, xử lý hồ sơ, chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ
8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)	
a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	- Lệ phí: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của hội đồng nhân dân TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG - Phí: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: - Chi phí khác: Không ☒ Có ☐

	Nếu Có, nêu rõ lý do: - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo): + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): + Mức chi phí khác:..... + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có ☐ Không ☐ Lý do: - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do:
b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?	Có ☒ Không ☐ Nội dung quy định: Điều 22 Dự thảo Nghị định Lý do quy định: Tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan quản lý nhà nước trong công tác thu lệ phí của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
9. Mẫu đơn, tờ khai	
a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☐ Không ☒ Lý do: Quy định tại Dự thảo Thông tư ban hành biểu mẫu về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và quy định về nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã
b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1:	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Lý do quy định: + Nội dung thông tin n: Lý do quy định: - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☐ Không ☐

	Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định:
c) Tên mẫu đơn, tờ khai n:	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Lý do quy định: + Nội dung thông tin n: Lý do quy định: - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☐ Không ☐ Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định:
d) Ngôn ngữ	- Tiếng Việt ☒ Song ngữ ☐ Nêu rõ loại song ngữ: Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ):
10. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có ☐ Không ☒ Lý do quy định:
a) Yêu cầu, điều kiện 1:	- Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☐ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐

	+ Thực hiện công việc khác (nêu rõ):.....
b) Yêu cầu, điều kiện n:	- Lý do quy định:..... - Đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☐ Nếu Có, đề nghị nêu rõ:..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):.....
11. Kết quả thực hiện	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	- Giấy phép ☐ - Giấy chứng nhận ☐ - Giấy đăng ký ☐ - Chứng chỉ ☐ - Thẻ ☐ - Quyết định hành chính ☐ - Văn bản xác nhận/chấp thuận ☐ - Loại khác: ☐ Đề nghị nêu rõ: Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy ☐ Bản điện tử ☐
b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Lý do:.....
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý	Có ☐ Không ☒ - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: - Nếu Không, nêu rõ lý do: Thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã có hiệu lực vô thời hạn cho đến khi tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Điều 15 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP do chưa có quy định cụ thể về biểu mẫu, thành phần hồ sơ cũng như trình tự, thủ tục đăng ký thành lập Quỹ. Việc quy định Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ hợp tác xã địa phương trong khi cơ quan cấp đăng ký thay đổi, tạm ngừng, tiếp tục kinh doanh trở lại, giải thể... cho Quỹ (áp dụng theo pháp luật về đăng ký hợp tác xã) lại là Phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện là chưa phù hợp.

1.3. Hiện nay, việc đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã, Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã và Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. Nghị định số 193/2013/NĐ-CP, Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT và đặc biệt là Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT với quy định về liên thông đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đối với hợp tác xã đã tạo ra những cải cách đột phá trong lĩnh vực đăng ký hợp tác xã, góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, được cộng đồng hợp tác xã đánh giá cao. Tuy nhiên, quá trình triển khai thi hành cũng như tình hình kinh tế - xã hội thay đổi đã bộc lộ những bất cập trong quy định về đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tại các văn bản nêu trên.

Để hoàn thiện khung khổ pháp lý về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo nhiệm vụ được giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan đã nghiên cứu, xây dựng và hoàn thành Dự thảo Nghị định.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Việc dự kiến ban hành mới và sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ thủ tục hành chính là nhằm tạo hành lang pháp lý rõ ràng, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước cho cơ quan đăng ký kinh doanh và thuận tiện cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi để tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội.

- Tiếp tục cải cách, hoàn thiện khung khổ pháp lý, nâng cao chất lượng dịch vụ công, đơn giản hóa thủ tục hành chính về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên

hiệp hợp tác xã, tạo sự thuận lợi cho người dân hoạt động kinh doanh dưới hình thức tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, kết nối, chia sẻ dữ liệu.

- Quy định cụ thể, rõ ràng hơn về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã góp phần lành mạnh hóa môi trường kinh doanh, tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, phòng chống tham nhũng, tiêu cực.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Tổng số thủ tục hành chính (TTHC) được quy định trong Dự thảo Nghị định là 50 TTHC, trong đó có 27 TTHC ban hành mới, 14 TTHC sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ 09 TTHC.

1. Đối với những thủ tục hành chính dự kiến ban hành mới

Dự thảo Nghị định có quy định 27 TTHC ban hành mới (*chi tiết kết quả đánh giá tác động các TTHC ban hành mới theo Biểu mẫu số 02/ĐGTD-BHM và chi phí tuân thủ TTHC theo Biểu mẫu số 04/ĐGTD-SCM của Thông tư số 03/2022/TT-BTP đối với từng TTHC tại Phụ lục gửi kèm*).

Stt	Tên TTHC
1	Đề nghị yêu cầu thay đổi tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp
2	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (nội dung trên GCNĐKHTX khác nội dung đăng ký)
3	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (nội dung thông tin đăng ký trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã)
4	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
5	Thông báo thay đổi thông tin về thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài
6	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
7	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

8	Thông báo tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh
9	Cấp lại giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác
10	Đề nghị thu hồi hoặc hủy bỏ Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh
11	Đăng ký thành lập tổ hợp tác
12	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác
13	Đăng ký thay đổi tên tổ hợp tác
14	Đăng ký thay đổi địa chỉ tổ hợp tác
15	Đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh của tổ hợp tác
16	Đăng ký thay đổi tổng giá trị phần vốn góp
17	Đăng ký thay đổi người đại diện tổ hợp tác
18	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký thuế của tổ hợp tác
19	Đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã
20	Đăng ký tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác
21	Thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác
22	Đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác
23	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã
24	Đăng ký lại hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong trường hợp thay đổi cơ quan đăng ký kinh doanh
25	Đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp tổ hợp tác thuộc đối tượng đăng ký theo quy định của Luật Hợp tác xã 2023
26	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
27	Hủy bỏ nghị quyết giải thể

Lĩnh vực đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi, thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại, chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác; Đăng ký thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã; Thông báo thay đổi, thông báo tạm

ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại, chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; Đề nghị yêu cầu thay đổi tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp; Đề nghị thu hồi hoặc hủy bỏ Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Đăng ký lại hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong trường hợp thay đổi cơ quan đăng ký kinh doanh; Đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp tổ hợp tác thuộc đối tượng đăng ký theo quy định của Luật Hợp tác xã 2023 là các TTHC mang tính chất đặc thù cần được áp dụng thống nhất trên phạm vi toàn quốc về: Hồ sơ, trình tự thực hiện TTHC; Quyền, trách nhiệm của cơ quan nhà nước và các cá nhân.

- Đối với cá nhân: Cá nhân khi đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã thì có quyền và nghĩa vụ đăng ký, thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được ghi nhận thông tin và được pháp luật bảo vệ. Việc quy định TTHC tại Dự thảo giúp các cá nhân hiểu rõ quyền lợi, nghĩa vụ của mình; dễ dàng tìm kiếm thông tin, chuẩn bị hồ sơ; nắm rõ quy trình thực hiện để tiết kiệm thời gian, chi phí, không gặp trở ngại khi đăng ký.

- Đối với cơ quan nhà nước: tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã là những thành phần kinh tế có vai trò, vị trí hết sức quan trọng, đóng góp tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; là mắt xích quan trọng trong mạng lưới sản xuất, chuỗi giá trị và là một trong những lực lượng nòng cốt trong việc tạo ra của cải, vật chất xã hội. Do vậy, để quản lý nhà nước đạt hiệu quả cao với các đối tượng này và đáp ứng được yêu cầu về việc tạo thuận lợi cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã gia nhập thị trường và bảo đảm quyền, nghĩa vụ của công dân, tổ chức thì các cơ quan nhà nước cần được cung cấp đầy đủ, cập nhật các thông tin của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã. Việc quy định thành phần hồ sơ, quy trình, thời hạn xử lý,... trong lĩnh vực đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giúp các cơ quan nhà nước tiếp cận thông tin nhanh chóng, qua đó kịp thời thực hiện các biện pháp quản lý nhà nước, định hướng chính sách nhằm đáp ứng quyền lợi, nhu cầu hợp pháp của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã, cá nhân và tổ chức.

Do đó, TTHC là biện pháp duy nhất giúp cá nhân thực hiện quyền được, nghĩa vụ của mình một cách đơn giản, rõ ràng, tiết kiệm và giúp cơ quan quản

lý nhà nước thực hiện chức năng quản lý về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hiệu quả nhất.

2. Đối với những thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

Dự thảo Nghị định có quy định 14 TTHC được sửa đổi, bổ sung (*chi tiết kết quả đánh giá tác động các TTHC sửa đổi, bổ sung theo Biểu mẫu số 03/ĐGTD-QĐCT/SDBS và chi phí tuân thủ TTHC theo Biểu mẫu số 04/ĐGTD-SCM của Thông tư số 03/2022/TT-BTP đối với từng TTHC tại Phụ lục gửi kèm*).

Stt	Tên TTHC	Nội dung sửa đổi, bổ sung
1	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	- Bỏ thành phần hồ sơ: “Phương án sản xuất kinh doanh; Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên”; - Bổ sung thành phần hồ sơ: “Danh sách, số định danh cá nhân của người đại diện theo pháp luật là người Việt Nam; danh sách, bản sao giấy tờ pháp lý của người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài; Bản sao giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 31 của Luật Hợp tác xã 2023”.
2	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện	- Bỏ thành phần hồ sơ: “Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; Nghị quyết của đại hội thành viên về việc mở chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã; Quyết định bằng văn bản của hội đồng quản trị về việc cử người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh”; - Bổ sung thành phần hồ sơ: “Bản sao hoặc bản chính biên bản họp Hội đồng quản trị và quyết định của Hội đồng quản trị (đối với mô hình quản trị đầy đủ); bản sao hoặc bản chính biên bản họp Đại hội thành viên và nghị quyết của Đại hội thành viên (đối với mô hình quản trị rút gọn) về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện”; - Bổ sung quy định: “Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn

		phòng đại diện, cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện”.
3	Thông báo địa điểm kinh doanh	- Bỏ thành phần hồ sơ: “Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; Nghị quyết của đại hội thành viên về việc mở chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã; Quyết định bằng văn bản của hội đồng quản trị về việc cử người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh”. - Bổ sung quy định: “Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện phải thông báo bằng văn bản cho người nộp hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ”.
4	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	- Bổ sung quy định: “Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cập nhật thông tin về chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thông báo”.
5	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	- Bỏ thành phần hồ sơ: “Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã; Nghị quyết của hội đại hội thành viên hoặc quyết định của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã”; - Bổ sung thành phần hồ sơ: “Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do người đại diện theo pháp luật ký; Bản sao hoặc bản chính biên bản họp Đại hội thành viên về việc chuyển địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã”. - Bổ sung quy định: “Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp

		hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ”.
6	Đăng ký đổi tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	- Bỏ thành phần hồ sơ: “Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã; Quyết định của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã”; - Bổ sung thành phần hồ sơ: “Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do người đại diện theo pháp luật của ký; Bản sao hoặc bản chính biên bản họp Đại hội thành viên về việc đổi tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã”; - Bổ sung quy định: “Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ”.
7	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	- Bỏ thành phần hồ sơ: “Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã; Quyết định của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã”; - Bổ sung thành phần hồ sơ: “Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật do Chủ tịch Hội đồng quản trị (đối với tổ chức quản trị đầy đủ) hoặc Giám đốc (đối với tổ chức quản trị rút gọn) ký; trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị (đối với tổ chức quản trị đầy đủ) hoặc Giám đốc (đối với tổ chức quản trị rút gọn) đồng thời là người đại diện theo pháp luật thì người ký thông báo là người mới được bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị (đối với tổ chức quản trị đầy đủ) hoặc Giám đốc (đối với tổ chức quản trị rút gọn) ký; Bản sao hoặc bản chính biên bản họp Đại hội thành viên về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật; Danh sách, sổ định danh cá nhân của người đại diện theo pháp luật là người Việt Nam; danh sách, hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài của người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài”;

		- Bổ sung quy định: “Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ”.
8	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	- Bổ thành phần hồ sơ: “Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã; Quyết định của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã”; - Bổ sung thành phần hồ sơ: “Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do người đại diện theo pháp luật ký; Bản sao hoặc bản chính biên bản họp của Đại hội thành viên về việc thay đổi vốn điều lệ; Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Đầu tư”; - Bổ sung quy định: “Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ”.
9	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	- Bổ thành phần hồ sơ: “Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã; Quyết định của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã”; - Bổ sung thành phần hồ sơ: “Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do người đại diện theo pháp luật ký; Bản sao hoặc bản chính biên bản họp Đại hội thành viên về việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh”.
10	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn	- Bổ thành phần hồ sơ: “Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục số I-8; Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn

	phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã; Bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đối với trường hợp thay đổi người đại diện”; - Bổ sung thành phần hồ sơ: “Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh”; - Bổ sung quy định: “Trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ đặt chi nhánh, văn phòng đại diện dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải thực hiện các thủ tục về thuế với Cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển địa điểm theo quy định của pháp luật về thuế”; - Bổ sung quy định: “Khi nhận được hồ sơ đăng ký thay đổi, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thay đổi thông tin đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ”;
11	Thông báo tạm ngừng kinh doanh đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	- Bổ sung thành phần hồ sơ: “Quyết định bằng văn bản của hội đồng quản trị về việc tạm ngừng hoạt động hợp tác xã, tạm ngừng hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã”; - Bổ sung thành phần hồ sơ: “Bản sao hoặc bản chính biên bản họp Đại hội thành viên về việc tạm ngừng kinh doanh”; - Bổ sung quy định: “Sau khi nhận hồ sơ thông báo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trao giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp giấy xác nhận về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa

		điểm kinh doanh tạm ngừng kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ”; - Bổ sung quy định: “Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thông báo tạm ngừng kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cập nhật tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và tình trạng của tất cả các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng tạm ngừng kinh doanh”.
12	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh	- Bổ sung quy định: “Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện xem xét cấp lại trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị”.
13	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	- Bỏ 03 thành phần hồ sơ: “Biên bản hoàn thành việc giải thể hợp tác xã; Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc hủy con dấu của hợp tác xã; Giấy biên nhận của cơ quan thông tin đại chúng về việc nhận đăng thông báo về việc giải thể hợp tác xã hoặc bản in 03 số báo liên tiếp đã đăng thông báo về việc giải thể hợp tác xã”. - Bổ sung 02 thành phần hồ sơ: “Báo cáo về việc xử lý tài sản của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể; Báo cáo kết quả chuyển nhượng, thanh lý tài sản của Hội đồng thanh lý tài sản trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

		có quỹ chung không chia, tài sản chung không chia hình thành từ nguồn hỗ trợ của Nhà nước”.
14	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	- Bỏ thành phần hồ sơ: “Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc hủy con dấu của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh”.

So với những quy định về TTHC hiện tại thì những TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Dự thảo Nghị định có những ưu điểm sau:

- Giúp cơ quan quản lý nhà nước có thêm căn cứ để xem xét, xử lý hồ sơ, đồng thời, giảm tải việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ giấy do hình thức đăng ký qua mạng được sử dụng nhiều hơn vì thủ tục linh hoạt, nhanh chóng, thuận tiện.

- Giúp người dân dễ dàng tìm hiểu, nắm được các quy định pháp luật về quyền, nghĩa vụ của mình cũng như tiết kiệm được tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại, nộp hồ sơ và nhận kết quả.

- Quy trình đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử linh hoạt, nhanh gọn hơn, phù hợp với nhu cầu của xã hội và chiến lược xây dựng Chính phủ điện tử tiến tới Chính phủ số của đảng và nhà nước, tiến đến các thủ tục hành chính liên quan đến người dân hiện đều có thể thực hiện trên môi trường điện tử.

3. Đối với những thủ tục hành chính được bãi bỏ

Dự thảo Nghị định bãi bỏ 09 TTHC (*chi phí tuân thủ TTHC theo Biểu mẫu số 04/DGTD-SCM của Thông tư số 03/2022/TT-BTP đối với từng TTHC tại Phụ lục gửi kèm*).

Stt	Tên TTHC
1	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã là tổ chức tín dụng
2	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã là tổ chức tín dụng

3	Đăng ký liên hiệp hợp tác xã là tổ chức tín dụng trong trường hợp liên hiệp hợp tác xã bị chia
4	Đăng ký liên hiệp hợp tác xã là tổ chức tín dụng trong trường hợp liên hiệp hợp tác xã bị tách
5	Đăng ký liên hiệp hợp tác xã là tổ chức tín dụng trong trường hợp liên hiệp hợp tác xã bị hợp nhất
6	Đăng ký thành lập hợp tác xã là tổ chức tín dụng
7	Đăng ký hợp tác xã là tổ chức tín dụng trong trường hợp liên hiệp hợp tác xã bị chia
8	Đăng ký hợp tác xã là tổ chức tín dụng trong trường hợp liên hiệp hợp tác xã bị tách
9	Đăng ký hợp tác xã là tổ chức tín dụng trong trường hợp liên hiệp hợp tác xã bị hợp nhất

Ngày 18/01/2024, Quốc hội đã thông qua Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi). Luật này có các quy định sau đây:

- Khoản 1, 2 Điều 27:

“1. Ngân hàng Nhà nước có thẩm quyền cấp, sửa đổi, bổ sung và thu hồi Giấy phép theo quy định của Luật này.

2. Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã”.

- Khoản 1, 3 Điều 38:

“1. Sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản, tổ chức tín dụng được thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; thành lập và chuyển đổi hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, bao gồm chi nhánh, văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác ở nước ngoài.

3. Văn bản chấp thuận việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện”.

- Khoản 1 Điều 210: “Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài đã thành lập và hoạt động theo Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành không phải đề nghị cấp lại Giấy phép theo quy định của Luật này. Trường hợp sửa đổi, bổ

sung Giấy phép phải thực hiện theo quy định của Luật này”.

Qua nghiên cứu các quy định nêu trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự kiến sẽ bãi bỏ các quy định liên quan đến việc đăng ký kinh doanh của tổ chức tín dụng là hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của tổ chức tín dụng là hợp tác xã tại Dự thảo Nghị định về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

III. LẤY Ý KIẾN

Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 1 Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính, dự thảo Bản đánh giá TTHC của Dự thảo Nghị định sẽ được lấy ý kiến của cơ quan kiểm soát TTHC cùng cấp về kiểm soát TTHC và các cá nhân, tổ chức khác có liên quan trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, Công tham vấn các quy định kinh doanh và Cổng thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư./.